BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Interpreting 1 - 1105025

Mã lớp học phần: 110502503 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Võ Thị Vân Nga

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110110002	Mai Nguyễn Hồng	**Diễm**	05/06/1993		6.0	Sáu	C13TA1	
2	1110110005	Mai Thị Ngọc	**Dung**	26/11/1993				C13TA1	
3	1110110006	Phạm Thị Thùy	**Dung**	12/11/1992		5.2	Năm hai	C13TA1	
4	1110110008	Hồ Nguyễn Ngọc	**Duyên**	13/11/1993		7.0	Bảy	C13TA1	
5	1110110007	Loọc Tạc	**Dùng**	13/08/1992		6.7	Sáu bảy	C13TA1	
6	1110110003	Quách Hướng	**Dương**	02/08/1992		5.0	Năm	C13TA1	
7	1110110009	Trần Thị Anh	**Đào**	22/10/1993		5.0	Năm	C13TA1	
8	1110110011	Nguyễn Hồng Kim	**Giang**	12/05/1991		5.4	Năm tư	C13TA1	
9	1110110013	Chung Thiên Ngân	**Hà**	08/12/1992		6.5	Sáu năm	C13TA1	
10	1110110012	Trần Thị Mỹ	**Hằng**	10/11/1990		6.0	Sáu	C13TA1	
11	1110110014	Đặng Thị Mỹ	**Hiền**	16/06/1993		5.0	Năm	C13TA1	
12	1110110018	Trần Thị	**Huệ**	08/10/1993		5.5	Năm năm	C13TA1	
13	1110110023	Đỗ Thị Quỳnh	**Mai**	18/02/1993		4.5	Bốn năm	C13TA1	
14	1110110025	Lâm Cẩm	**My**	06/04/1993		6.1	Sáu một	C13TA1	
15	1110110027	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	07/04/1993		3.8	Ba tám	C13TA1	
16	1110110029	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	19/08/1992		5.7	Năm bảy	C13TA1	
17	1110110028	Thái Thị Kim	**Ngân**	30/03/1993		5.3	Năm ba	C13TA1	
18	1110110030	Lê Hông	**Ngọc**	14/12/1992		7.0	Bảy	C13TA1	
19	1110110032	Lai Nguyễn Thảo	**Nguyên**	13/10/1993		5.2	Năm hai	C13TA1	
20	1110110034	Đỗ Thị Yến	**Nhi**	15/06/1993		6.0	Sáu	C13TA1	
21	1110110035	Huỳnh Minh	**Nhơn**	19/01/1994		7.8	Bảy tám	C13TA2	
22	1110110041	Đỗ Mạnh	**Quân**	03/12/1993		5.7	Năm bảy	C13TA2	
23	1110110043	Phạm Đăng	**Sang**	07/05/1992		6.5	Sáu năm	C13TA2	
24	1110090305	Bùi Thị Thanh	**Tâm**	03/12/1992		6.0	Sáu	C13TA2	
25	1110110070	Tăng Nguyễn Phương	**Thảo**	26/11/1993		5.8	Năm tám	C13TA2	
26	1110110047	Huỳnh Trần Ngưyệt	**Thu**	27/09/1993		6.2	Sáu hai	C13TA2	
27	1110110048	Nguyễn Thanh	**Thùy**	07/01/1993		6.8	Sáu tám	C13TA2	
28	1110110050	Nguyễn Thị Oanh	**Thủy**	14/12/1993		6.0	Sáu	C13TA2	
29	1110110051	Nguyễn Thị Thủy	**Tiên**	26/12/1992		6.3	Sáu ba	C13TA2	
30	1110110053	Vũ Thị Kiều	**Tiên**	02/01/1993		6.5	Sáu năm	C13TA2	
31	1110110054	Võ Văn	**Toàn**	30/10/1993		6.7	Sáu bảy	C13TA2	
32	1110110055	Đậu Thị	**Trang**	20/09/1992		6.2	Sáu hai	C13TA2	
33	1110110060	Lăng Thị	**Tuyết**	19/05/1991		6.0	Sáu	C13TA2	
34	1110110059	Phan Thị Khả	**Tú**	10/10/1993		5.3	Năm ba	C13TA2	

...V	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	...0110061	Vũ Hà	**Ty**	10/05/1993		6.0	Sáu	C13TA2	
	...1110110062	Đinh Kiều	**Vinh**	01/01/1993		6.8	Sáu tám	C13TA2	
37	1110110065	Nguyễn Hoàng Thúy	**Vy**	12/05/1993		5.5	Năm năm	C13TA2	
38	1110110064	Nguyễn Thị Thúy	**Vy**	18/02/1993		6.5	Sáu năm	C13TA2	
39	1110110066	Nguyễn Thị Thanh	**Xuân**	11/11/1993		5.8	Năm tám	C13TA2	
40	1110110069	Nguyễn Kim Hoàng	**Yến**	20/10/1993		5.2	Năm hai	C13TA2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2013-2014

Môn học : Interpreting 1 - 1105025
Mã lớp học phần: 110502503 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Võ Thị Vân Nga
Ngày thi: 12/05/2014 **Giờ thi: 13h15** **Phòng thi: B2.6**

Giám thị 1: D. Lê Ký tên:
Giám thị 2: Q. Minh Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110110002	Mai Nguyễn Hồng	**Diễm**	05/06/1993			2.4	Hai bốn	C13TA1	
2	1110110005	Mai Thị Ngọc	**Dung**	26/11/1993				✓	C13TA1	Nợ HP
3	1110110006	Phạm Thị Thùy	**Dung**	12/11/1992			2.6	Hai sáu	C13TA1	
4	1110110008	Hồ Nguyễn Ngọc	**Duyên**	13/11/1993			2.9	Hai chín	C13TA1	
5	1110110007	Loọc Tạc	**Dùng**	13/08/1992			2.8	Hai tám	C13TA1	
6	1110110003	Quách Hướng	**Dương**	02/08/1992			2.9	Hai chín	C13TA1	Nợ HP R
7	1110110009	Trần Thị Anh	**Đào**	22/10/1993			3,3	Ba ba	C13TA1	
8	1110110011	Nguyễn Hồng Kim	**Giang**	12/05/1991			2.3	Hai ba	C13TA1	
9	1110110013	Chung Thiên Ngân	**Hà**	08/12/1992				✓	C13TA1	Nợ HP
10	1110110012	Trần Thị Mỹ	**Hằng**	10/11/1990			2.5	Hai năm	C13TA1	
11	1110110014	Đặng Thị Mỹ	**Hiền**	16/06/1993			0.6	Không sáu	C13TA1	
12	1110110018	Trần Thị	**Huệ**	08/10/1993				✓	C13TA1	Nợ HP
13	1110110023	Đỗ Thị Quỳnh	**Mai**	18/02/1993			1.3	Một ba	C13TA1	
14	1110110025	Lâm Cẩm	**My**	06/04/1993			0,3	Không ba	C13TA1	
15	1110110027	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	07/04/1993				✓	C13TA1	Nợ HP
16	1110110029	Nguyễn Thị Kim	**Ngân**	19/08/1992			2.8	Hai tám	C13TA1	Nợ HP R
17	1110110028	Thái Thị Kim	**Ngân**	30/03/1993			4.3	Bốn ba	C13TA1	
18	1110110030	Lê Hồng	**Ngọc**	14/12/1992			1.2	Một hai	C13TA1	
19	1110110032	Lai Nguyễn Thảo	**Nguyên**	13/10/1993			2.9	Hai chín	C13TA1	
20	1110110034	Đỗ Thị Yến	**Nhi**	15/06/1993			2.7	Hai bảy	C13TA1	
21	1110110035	Huỳnh Minh	**Nhơn**	19/01/1994			3.0	Ba không	C13TA2	
22	1110110041	Đỗ Mạnh	**Quân**	03/12/1993				✓	C13TA2	Nợ HP
23	1110110043	Phạm Đăng	**Sang**	07/05/1992			3.2	Ba hai	C13TA2	
24	1110090305	Bùi Thị Thanh	**Tâm**	03/12/1992			3.9	Ba chín	C13TA2	
25	1110110070	Tăng Nguyễn Phương	**Thảo**	26/11/1993			4.2	Bốn hai	C13TA2	
26	1110110047	Huỳnh Trần Nguyệt	**Thu**	27/09/1993			2.5	Hai năm	C13TA2	
27	1110110048	Nguyễn Thanh	**Thùy**	07/01/1993			2.2	Hai hai	C13TA2	
28	1110110050	Nguyễn Thị Oanh	**Thủy**	14/12/1993			2.5	Hai năm	C13TA2	
29	1110110051	Nguyễn Thị Thủy	**Tiên**	26/12/1992			3.6	Ba sáu	C13TA2	
30	1110110053	Vũ Thị Kiều	**Tiên**	02/01/1993			2.7	Hai bảy	C13TA2	
31	1110110054	Võ Văn	**Toàn**	30/10/1993			3.3	Ba ba	C13TA2	
32	1110110055	Đậu Thị	**Trang**	20/09/1992			2.9	Hai chín	C13TA2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1110110060	Lăng Thị	**Tuyết**	19/05/1991			1.7	Một bảy,	C13TA2	
34	1110110059	Phan Thị Khả	**Tú**	10/10/1993			2.7	Hai bảy,	C13TA2	
35	1110110061	Vũ Hà	**Ty**	10/05/1993			2.7	Hai bảy	C13TA2	
36	1110110062	Đinh Kiều	**Vinh**	01/01/1993			2.3	Hai ba	C13TA2	
37	1110110065	Nguyễn Hoàng Thúy	**Vy**	12/05/1993			3.1	Ba một	C13TA2	Nợ HP
38	1110110064	Nguyễn Thị Thúy	**Vy**	18/02/1993			2.7	Hai bảy	C13TA2	
39	1110110066	Nguyễn Thị Thanh	**Xuân**	11/11/1993			2.0	Hai không	C13TA2	
40	1110110069	Nguyễn Kim Hoàng	**Yến**	20/10/1993			2.9	Hai chín	C13TA2	

Lưu ý: *sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần*